TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CT
TỈNH TG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Bản án số: **75**/2022/HS-ST
Ngày: 23/6/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CT - TỈNH TG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Anh Tuấn**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lê Hoài Phong**

2. Ông **Đỗ Thanh Hiền**

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Hoàng Mai Chi** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện CT.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CT tham gia phiên tòa: Bà **Lương Thị Trà My -** Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện CT tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 52/2022/HSST ngày 30 tháng 5 năm 2022. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2022/QĐXXST-HS ngày 10/6/2022 đối với bị cáo:

- Họ và tên: **Trần Duy T**, sinh năm 1987.

- Tên gọi khác: Không.

- Nơi đăng ký thường trú và chổ ở hiện nay: ấp TQ, xã TLĐ, huyện CT, tỉnh TG.

- Dân tộc: Kinh. Quốc tịch: Việt Nam. Tôn giáo: Không.

- Nghề nghiệp: Công nhân.

- Trình độ học vấn: 12/12.

- Cha: Trần Văn Đ, sinh năm 1954 (già yếu).

- Mẹ: Huỳnh Thị H, sinh năm 1959, nghề nghiệp: Nội trợ.

- Bị cáo có một người em, sinh năm 1989, bị cáo là con lớn nhất trong gia đình.

- Tất cả ngụ cùng địa chỉ với bị cáo.

- Bị cáo chưa có vợ con.

- Từ nhỏ sống chung với gia đình, đi học hết lớp 12 thì nghỉ học ở nhà phụ giúp gia đình và đi làm công nhân cho đến ngày phạm tội.

- Tiền án, tiền sự: không.

- Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 02/01/2022 đến ngày 05/01/2022 chuyển tạm giam. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

* *Bị hại:* **Phạm Thanh N,** sinh năm 1983. Địa chỉ: Ấp TQ, xã TLĐ, huyện CT, tỉnh TG (có mặt).

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* **Nguyễn Nhật Trường A,** sinh năm 1991. Địa chỉ: Ấp TBH, xã TCN, huyện CT, tỉnh TG (vắng mặt).

* *Người làm chứng:*

1. **Bùi Thanh P,** sinh năm 1976. Địa chỉ: Ấp TQ, xã TLĐ, huyện CT, tỉnh TG (vắng mặt).

2. **Nguyễn Lê D,** sinh năm 1990. Địa chỉ: Ấp TBH, xã TCN, huyện CT, tỉnh TG (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Khoảng 16 giờ 25 phút ngày 02/01/2022, bị cáo Trần Duy T điều khiển xe mô tô hai bánh biển số 63B3-698.48 (biển số xe bị dán bằng băng keo bạc) đến tiệm vàng "Kim Trang" (do anh Phạm Thanh N làm chủ) tọa lạc tại ấp TQ, xã TLĐ, huyện CT, tỉnh TG. Bị cáo để xe trước nhà bên cạnh rồi đi bộ vào tiệm vàng. Do thấy có đông khách nên bị cáo đứng trước quầy quan sát khoảng 10 phút thì kêu anh N bán cho sợi dây chuyền 01 lượng vàng 24K. Anh N lấy sợi dây chuyền kiểu vuông có khối lượng 01 lượng vàng 24K đưa cho bị cáo. Khi anh N vừa đưa sợi dây chuyền, bị cáo cầm lấy và bỏ chạy ra xe mô tô 63B3-698.48, anh N đuổi theo. Trong lúc bị cáo vừa ngồi lên xe mô tô thì anh N chạy tới đạp ngã xe, lúc này bị cáo cầm sợi dây chuyền bỏ chạy qua bên kia đường thì bị té ngã. Anh N truy hô cùng mọi người khống chế bắt giữ bị cáo cùng tang vật.

Các vật chứng, đồ vật thu giữ như sau:

- 01 (một) đĩa DVD bên trong có 02 đoạn video trích xuất từ camera tại tiệm vàng "Kim Trang" ghi lại sự việc bị cáo vào tiệm vàng giật dây chuyền và bỏ chạy bị bắt giữ.

- 01 (một) sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng (kiểu dây vuông) dài 64cm, chỗ vị trí móc khóa có đóng số 1.000.

- 01 (một) xe mô tô hai bánh biển số 63B3-698.48, số khung: 6314HZ003470, số máy: J863F-2021126.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 8 Plus, màu đỏ, số Imei: 353010098273958.

- 02 (hai) chiếc dép quai kẹp màu vàng.

Tại thông báo kết quả giám định số 00011/N1.22/TĐ ngày 17/01/2022 của Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 3 đối với 01 (một) sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng (kiểu dây vuông) dài 64cm, chỗ vị trí móc khóa có đóng số 1.000. Kết quả:

- Về tên gọi, khối lượng: Sợi dây chuyền bằng hợp kim vàng, có khối lượng 37,5256g.

- Về quy đổi Kara: 23K.

Kết luận định giá tài sản số 39 ngày 25/02/2022 của Hội đồng định giá tài sản huyện CT kết luận: 01 (một) sợi dây chuyền bằng hợp kim vàng 23K có trọng lượng 37,5256g (tương đương 01 lượng vàng 23 K) có giá trị là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

Về trách nhiệm dân sự: bị hại đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì khác và có đơn bãi nại, xin xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

Tại bản cáo trạng số **55**/CT-VKSCT ngày 27/05/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện CT đã truy tố bị cáo Trần Duy T về tội *"Cướp giật tài sản"* theo qui định tại điểm c, d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự.

** Tại phiên tòa,*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CT trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Trần Duy T về tội *"Cướp giật tài sản"* theo qui định tại điểm c,d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự và phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân, cùng các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, đã đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Trần Duy T phạm tội *"Cướp giật tài sản"*.

- Áp dụng điểm c,d khoản 2 Điều 171; Điều 38; Điều 50; điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Duy T từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện CT, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện CT, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo. Xét thấy:

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Duy T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố.

Bị cáo cho rằng do cần tiền tiêu xài cá nhân nên bị cáo đã có hành vi dùng xe mô tô chạy đến tiệm vàng của anh Phạm Thanh N, bị cáo đã quay đầu xe để thuận tiện cho việc tẩu thoát. Sau khi cướp giật 01 (một) sợi dây bị cáo nhánh chóng leo lên xe để tẩu thoát nhưng bị anh N xô ngã.

Lời khai nhận tội trên của bị cáo cơ bản đã phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, lời khai của bị hại, người làm chứng và các lời khai trước đây của bị cáo tại cơ quan điều tra, cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Xét thấy tài sản bị cáo chiếm đoạt có giá trị 50.000.000 đồng, bị cáo dùng phương tiện (xe mô tô) là nguồn nguy hiểm cao độ để thực hiện tội phạm. Vì vậy đã đủ cơ sở xác định bị cáo phạm tội *"Cướp giật tài sản"* theo qui định tại điểm c, d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Xét thấy, bị cáo là người đã thành niên, có đầy đủ sức khoẻ và khả năng nhận thức về hành vi phạm tội của mình là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo nhận thức được tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật. Thế nhưng, chỉ vì muốn hưởng lợi không bằng sức lao động chính đáng của mình mà bị cáo đã cướp giật tài sản của người khác.

Hành vi phạm tội trên đây của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, nó xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, hành vi của bị cáo gây tư tưởng hoang mang trong nhân dân, ảnh hưởng đến tình hình an

ninh trật tự tại địa phương. Vì vậy cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, cũng như phòng ngừa chung cho các đối tượng khác.

Tuy nhiên, sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, hành vi phạm tội chưa gây ra thiệt hại, bị cáo có nhân thân tốt, đã tham gia thanh niên xung phong phục vụ đất nước, gia đình có người thân có công với cách mạng, bị hại có đơn bãi nại, xin xem xét giảm nhẹ. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Vì vậy, Hội đồng xét thấy cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

[4] Vật chứng thu giữ:

- 01 (một) đĩa DVD bên trong có 02 đoạn video trích xuất từ camera tại tiệm vàng "Kim Trang" ghi lại sự việc bị cáo vào tiệm vàng giật dây chuyền và bỏ chạy bị bắt giữ, hiện lưu kèm hồ sơ vụ án.

- 01 (một) sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng (kiểu dây vuông) dài 64cm, chỗ vị trí móc khóa có đóng số 1.000. Đây là tài sản hợp pháp của anh Phạm Thanh N. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành đã trao trả cho anh N.

- 01 (một) xe mô tô hai bánh biển số 63B3-698.48, số khung: 6314HZ003470, số máy: J863F-2021126. Xe này do bị cáo đứng tên chủ sở hữu và đã bán lại cho anh Nguyễn Nhật Trường An (khi bán xe có làm giấy viết tay). Sau đó, anh An cho bị cáo mượn xe này làm phương tiện đi lại. Việc bị cáo sử dụng xe 63B3-698.48 làm phương tiện đi cướp giật tài sản, anh An hoàn toàn không biết nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện CT đã trao trả xe trên cho anh An.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 8 Plus, màu đỏ, số Imei: 353010098273958 và 02 (hai) chiếc dép quai kẹp màu vàng. Đây là tài sản cá nhân của bị cáo, không liên quan đến vụ án nên cần trao trả cho bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[6] Về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Về hình phạt:

- Tuyên bố bị cáo Trần Duy T phạm tội *"Cướp giật tài sản"*.

- Áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 171; Điều 38; Điều 50; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử: Phạt bị cáo **Trần Duy T** 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/01/2022.

2. Về vật chứng:

- Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự.

- Trả lại cho bị cáo: 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 8 Plus, màu đỏ, số Imei: 353010098273958 và 02 (hai) chiếc dép quai kẹp màu vàng.

Vật chứng trên hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện CT tạm giữ (Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 17/6/2022).

3. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo, các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết hoặc ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND h. CT;
- Công an h. CT;
- Chi cục THADS h. CT;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Bùi Anh Tuấn